TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2025
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Bùi Quang Hợi

Bà Hoàng Thảo Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số nhà G, ngõ A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1978;

Nơi thường trú: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện tại: Khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh Vũ Văn B qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 đăng ký ngày 18/02/2019. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại nhà chị H ở số nhà G, ngõ A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc

được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, anh B luôn có thái độ khó chịu vì chị H quan tâm nhiều đến con riêng của chị và chồng cũ. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách khắc phục nhưng vẫn không thể dung hòa được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và cả hai cảm thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Chị H và anh B đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Hiện nay chị H đang cư trú tại số nhà G, ngõ A đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang còn anh B đang cư trú tại khu nhà trọ của ông Nguyễn Văn C ở Khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn B. Chị H xác định giữa chị và anh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu H cam kết việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Ngày 20/3/2025, chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Văn B không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã xuống địa phương làm việc, tiến hành lấy lời khai của anh Vũ Văn B, tại biên bản lấy lấy lời khai, anh B trình bày:

Anh B và chị Nguyễn Thị Thu H qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay cả hai đã sống ly thân. Anh B xác định tình cảm không còn, đã sống ly thân một thời gian, không còn khả năng đoàn tụ nên anh B đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H. Do anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc rất bận rộn, không thể sắp xếp thời gian lên Tòa án làm việc nên anh B đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án, đồng thời giữ nguyên ý kiến của mình tại biên bản lấy lời khai và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39, 58, 195 và 232 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H. Chị H được ly hôn với anh Vũ Văn B.

Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn anh Vũ Văn B, anh B hiện đang cư trú tại khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Xét đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H, bị đơn anh Vũ Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn B đều thừa nhận anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận trên Giấy chứng nhận kết hôn số 08 đăng ký ngày 18/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Trong quá trình chung sống, cả chị H và anh B đều xác định hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung.

Sau khi phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách khắc phục nhưng vẫn không thể dung hòa được, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng và cả hai cảm thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Chị H và anh B đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, do đó, có thể xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã kéo dài, không thể hàn gắn được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân đã lâu, không có khả năng toàn tụ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh B không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh B xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 236, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Vũ Văn B.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000165 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Tuyết Nhung